

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỊNH QUÁN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 16-9-2024  
v/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN - TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trương Thị Thịnh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Lương Thanh Kỳ** và bà **Nguyễn Thị Quy**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Phan Nguyễn Thành Trung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông **Vũ Xuân Trường** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 111/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(bà H có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2024, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 15/11/1999. Vợ chồng bà sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn vì quan điểm sống không hợp nhau, không tôn trọng, yêu thương, chăm sóc mà luôn cãi vã, xúc phạm danh dự nhân phẩm nhau. Bà và ông T đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn,

đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Công T1, sinh ngày 13/7/2001 và Nguyễn Công D, sinh ngày 10/8/2006. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên bà H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà Nguyễn Thị H đề nghị Toà án giải quyết ly hôn vắng mặt trong các buổi làm việc, các phiên họp, hoà giải và xét xử.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T không đến Tòa án tham gia tố tụng nên Tòa án không thu thập được lời khai của bị đơn. Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự. Đồng thời đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến; không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác*

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Bản sao CCCD; Xác nhận thông tin cư trú; Bản sao giấy khai sinh con chung; trích lục kết hôn; Bản tự khai; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản xác minh ngày 04/7/2024; bản photo CCCD Nguyễn Văn T.

*Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán phát biểu ý kiến như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn không tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận cho bà Nguyễn Thị H ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại: khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, đã mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất và hoãn phiên tòa để triệu tập lại ông T vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà H, ông T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách tham gia tố tụng:

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Văn T vì vậy bà H là nguyên đơn; ông T là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa bà H, ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 15/11/1999. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

Qua lời khai của bà H và biên bản xác minh tại địa phương thể hiện đời sống hôn nhân của bà H, ông T hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân từ đầu năm 2021, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú thì ông T đều biết nhưng không đến Tòa án, thể hiện thái độ bỏ mặc mạnh ai nấy sống, không quan tâm, không có thiện chí hàn gắn tình cảm đoàn tụ gia đình. Kết quả xác minh thu thập chứng cứ như trên về mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp với lời khai của nguyên đơn.

Vì vậy có đủ cơ sở xác định vợ chồng bà H, ông T đã có những mâu thuẫn lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định

tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: bà H, ông T có 02 con chung tên Nguyễn Công T1, sinh ngày 13/7/2001 và Nguyễn Công D, sinh ngày 10/8/2006. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, không giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết. Ông T không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 19, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc “Ly hôn” đối với ông Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Bà H, ông T có 02 con chung tên Nguyễn Công T1, sinh ngày 13/7/2001 và Nguyễn Công D, sinh ngày 10/8/20. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động. Vì vậy không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết. Khi nào có tranh chấp về chia tài sản và nợ chung sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000 đồng bà H đã nộp tạm ứng

theo biên lai thu số 0014466 ngày 12/6/2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí. Bà H đã nộp đủ án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND thị trấn Định Quán;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Thịnh**